

Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-ĐÀ NẴNG, TP.ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông Đinh Văn M, sinh ngày 01/6/1993; Số căn cước công dân: 048093003057; Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Lê Thị T, sinh ngày 20/4/1993; Số căn cước công dân: 049193014089; Địa chỉ thường trú: Thôn X, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ nay là: Xã H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 28/12/2015), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại địa chỉ: thôn L, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cũ nay là xã H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông M, bà T đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M, bà T vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Lê Tấn P, sinh ngày 10/10/2016. Ly hôn ông M, bà T thỏa thuận:

Giao con chung Đinh Lê Tấn P cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Đinh Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Lê Tấn P mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp.

Xét thấy ông M, bà T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của ông M, bà T.

[3] *Về quan hệ tài sản chung; Nợ chung*: Ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[4] *Về lệ phí*: Lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà ông M, bà T đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Đinh Văn M và bà Lê Thị Thu thuận T1 ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Giao con chung Đinh Lê Tấn P, sinh ngày 10/10/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Đinh Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Lê Tấn P mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đinh Văn M không thực hiện việc cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung; Nợ chung:* ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đinh Văn M và bà Lê Thị T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông M, bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000166 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông M, bà T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4- Đà Nẵng;
- UBND xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 162 ngày 28/12/2015
Đăng ký tại UBND xã Hòa Tiến cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương